



Trung Quốc làm việc. T nói cho T1 biết đi sang Trung Quốc bằng cách vượt biên trái phép qua đường tiểu ngạch tại tỉnh Cao Bằng, sang đến nơi T sẽ xin việc làm ở xưởng sắt (gia công, sơn tĩnh điện...), chi phí đi là 1.000 Nhân dân tệ (Tương đương 3.300.000 đồng) một người. Hồ Thị T1 quyết định đưa con trai là Hồ Trường Gi (sinh năm 2002) cùng đi. Biết Hồ Thị T1 sẽ đi sang Trung Quốc, Vi Thị N, sinh năm 1986, trú tại xóm 2/9 cùng xã TT nhờ T1 nói với T cho Năm cùng đi với mẹ con T1 sang Trung Quốc để làm việc. Cùng đi với Hồ Thị T1, Vi Thị N, Hồ Trường Gi còn có Hoàng Xuân T2, sinh năm 2002, trú tại xóm 3/2, xã TT (là cháu họ của Trần Anh T). T yêu cầu 03 người chuyển tiền cho T2 để T2 đưa cho bố mẹ T. T2 chưa có tiền nên xin T cho nợ, khi sang Trung Quốc làm việc có lương sẽ trả sau. T2 thu tiền của 03 người (Hồ Thị T1, Vi Thị N, Hồ Trường Gi) rồi đưa vào nhà Trần Anh T để nộp, do không gặp bố, mẹ T nên T2 đã đưa cho Nguyễn Thị Hiệp (là em dâu của T) 10.000.000 đồng (Tương đương 3.000 Nhân dân tệ) rồi gọi điện qua mạng xã hội Zalo thông báo cho T biết. Sau khi T2 nộp tiền, T liên lạc với người phụ nữ tên L ở Cao Bằng qua mạng Wechat để thỏa thuận với L đưa Hồ Thị T1, Vi Thị N, Hồ Trường Gi, Hoàng Xuân T2 vượt biên sang Trung Quốc theo đường tiểu ngạch. Sau khi thống nhất với L, T nói 04 người nêu trên chụp ảnh chân dung để T gửi cho L nhận diện, hẹn 04 người bắt xe khách từ Nghệ An ra Cao Bằng gặp L, T thường xuyên liên lạc với T2 để hướng dẫn gặp L và nắm bắt lộ trình đi của 04 người. Khi T1, Năm, Gi, T2 đi ra đến bến xe Cao Bằng, L đã đón và đưa đến khu vực biên giới, tổ chức vượt biên sang Trung Quốc sau đó đưa đến tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc giao cho T. T đã thanh toán cho L 4.000 Nhân dân tệ tiền công L đưa T1, Năm, Gi, T2 sang Quảng Đông, Trung Quốc (Tương đương khoảng 13.200.000 đồng). Khi T2 sang Quảng Đông làm việc và có tiền lương, T2 đã trả cho T 3.200.000 đồng là số tiền T2 nợ T khi nhờ T đưa sang Trung Quốc.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F7 màu đen đã qua sử dụng thu giữ của Trần Anh T hiện đang được niêm phong, bảo quản tại kho vật chứng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2021/HS-ST ngày 13/4/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã áp dụng khoản 1 Điều 349, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Anh T 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 31/7/2020 đến 09/8/2020.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/4/2021, bị cáo Trần Anh T có đơn kháng cáo đề nghị được hưởng án treo.

#### ***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Bị cáo khai báo thành khẩn, thừa nhận hành vi phạm tội mà bản án sơ thẩm đã xét xử. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, cho bị cáo được hưởng án treo do hoàn cảnh gia đình có nhiều khó khăn: Mẹ mới mất sau khi vụ

án được xét xử sơ thẩm, bố bị tai nạn không tự đi lại để phục vụ bản thân, vợ không có công việc ổn định, có 02 con sinh đôi năm 2019; bị cáo sau khi phạm tội bị cáo đã chấp hành tốt chấp hành tốt quy định tại địa phương, dù gia đình khó khăn nhưng tích cực ủng hộ quỹ phòng chống Covid...

- Người bào chữa cho bị cáo có quan điểm: Bị cáo có nhân thân tốt, có thời gia tham gia quân ngũ gần 04 năm, phạm tội với mục đích là giúp đỡ người nhà, và đồng hương có công ăn việc làm, không có động cơ T1 lợi. Hoàn cảnh bị cáo như đã trình bày là rất khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Trong vụ án, bị cáo chỉ là người chấp nối những người có nhu cầu lao động với đối tượng tên L (chưa bắt được), còn L mới là đối tượng trực tiếp sắp xếp, bố trí, nhận và hưởng lợi T2 bộ số tiền của 04 người liên quan. Đối chiếu với quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo đủ điều kiện để được hưởng án treo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Bản án sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 349, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Anh T 15 tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” là có căn cứ, đúng pháp luật. Với hành vi của bị cáo, cần phải cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo trong thời hạn, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 332, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, phù hợp khách quan với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định: Do mối quan hệ quen biết, khoảng tháng 02/2019, sau khi được Hồ Thị T1, Vi Thị N, Hồ Trường Gi, Hoàng Ngọc T2 nhờ, bị cáo Trần Anh T đã liên hệ với đối tượng phụ nữ tên L ở Cao Bằng (qua mạng Wechat), không rõ địa chỉ cụ thể, để thỏa thuận tiền công và tổ chức đưa thành công 04 người nêu trên vượt biên trái phép sang Trung Quốc làm việc. Bị cáo đã nhận số tiền 13.200.000 đồng của T1, Năm, Gi, T2 và thanh toán cho đối tượng phụ nữ tên L 4.000 Nhân dân tệ (Tương đương 13.200.000 đồng). Mục đích của bị cáo là giúp 04 đối tượng nêu trên ở lại nước ngoài làm việc trái phép. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo

Trần Anh T phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự là chính xác, đúng pháp luật.

[2.2] Về hình phạt: Bị cáo đã tổ chức cho 04 người trốn đi nước ngoài, do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự có mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Do bị cáo không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo khai báo thành khẩn, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, gia đình bị cáo có bà nội tham gia kháng chiến, được thưởng huy chương nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 15 tháng tù là phù hợp.

[2.3] Xét kháng cáo của bị cáo về việc xin hưởng án treo:

Trong vụ án này, bị cáo không phải là người chủ động gợi ý, rủ rê 04 người cùng quê xuất cảnh trái phép để thu lợi bất chính mà do từ mối quan hệ quen biết nên 04 người này đã chủ động đề xuất với bị cáo; động cơ, mục đích của bị cáo cũng như thực tế bị cáo không vì T1 lợi mà do nhận thức pháp luật kém, mong muốn giúp đỡ người nhà và những người đồng hương có công việc làm, có thu nhập. Xét thấy bị cáo bị xử phạt 15 tháng tù, có nhân thân tốt, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự như bà nội là người có công, hoàn cảnh gia đình thực sự khó khăn: 02 con sinh đôi còn nhỏ, mẹ mới mất sau khi xét xử sơ thẩm, bố đau ốm và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị cáo là người lao động thuần túy nhất thời phạm tội, ăn năn hối cải, có nơi cư trú rõ ràng, là lao động chính trong gia đình nên xét thấy không cần phải bắt bị cáo cách ly khỏi xã hội cũng có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an T2 xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ - HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo đề miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, cho bị cáo được hưởng án treo.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, theo quy định tại khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí kèm theo, bị cáo Trần Anh T không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 355; điểm e, khoản 1, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Trần Anh T.

2. Sửa quyết định về hình sự tại bản án hình sự sơ thẩm số 54/2021/HS-ST ngày 13/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 349, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ - HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo.

Xử phạt bị cáo Trần Anh T 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm: 30 tháng 3 năm 2022.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã NX, huyện NL, tỉnh Nghệ An để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Bị cáo Trần Anh T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Công an tỉnh Nghệ An;
- Sở T1 pháp tỉnh Nghệ An;
- Cục Thi hành án DS tỉnh Nghệ An;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Nguyễn Hải Thanh**